

9. PHƯỜNG GIÁ RAI

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(3)	(4)	(5)	(7)
1	Quốc lộ 1	Tim Cống Lầu	Tim Cống Ba Tuyền	7.200
2	Quốc lộ 1	Tim Cống Ba Tuyền	Cầu Nọc Nặng	8.400
3	Quốc lộ 1	Từ cầu Nọc Nặng	Đầu Vòng Xoay, DNTN Thành Trung (Km 2215 + 300m)	6.600
4	Quốc lộ 1	Đầu Vòng Xoay, DNTN Thành Trung Km 2215 + 300m)	Cầu Hộ Phòng (Km 2216 + 218m)	8.100
5	Quốc lộ 1	Cầu Hộ Phòng (Km 2216 + 218m)	Tim hẻm Tự Lực	16.000
6	Quốc lộ 1	Tim hẻm Tự Lực	Tim đường Hộ Phòng - Chủ Chí	14.500
7	Quốc lộ 1	Tim đường Hộ Phòng - Chủ Chí	Đến ranh xã Phong Thạnh (Tên cũ: Giáp ranh Tân Phong (Km 2217 + 525m)	11.000
8	Đường lộ cũ (Trụ sở Khóm 2)	Đường Giá Rai - Gành Hào	Cống Ba Tuyền	1.450
9	Đường Giá Rai-Gành Hào	Ngã ba (Quốc lộ 1)	Cầu Giá Rai - Gành Hào	2.900
10	Đường Giá Rai-Gành Hào	Cầu Giá Rai - Gành Hào (Cầu Đình 1)	Cầu Rạch Rấn 1	1.800
11	Đường Giá Rai-Gành Hào	Cầu Giá Rai - Gành Hào (Cầu Đình 2)	Cổng Chùa mới	1.800
12	Phan Thanh Giản	Lê Lợi	Cầu Đình	2.350
13	Nguyễn Huệ	Trần Hưng Đạo	Lê Lợi	2.350
14	Trung Trắc	Trần Hưng Đạo	Lê Lợi	2.350
15	Trung Nhị	Nguyễn Thị Lượm	Trần Hưng Đạo	1.500
16	Trung Nhị	Trần Hưng Đạo	Lê Lợi	2.100
17	Trần Hưng Đạo	Cầu Giá Rai - Gành Hào	Tim đường Phan Thanh Giản	2.100
18	Trần Hưng Đạo	Tim đường Phan Thanh Giản	Tim đường Lý Thường Kiệt	2.900

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(3)	(4)	(5)	(7)
19	Trần Hưng Đạo	Tim đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Thị Lượm	1.900
20	Lý Thường Kiệt	Cổng trường THCS Giá Rai A	Đường Lê Lợi	1.600
21	Lê Lợi	Cầu Gành Hào-Giá Rai	Tim đường Phan Thanh Giản	1.700
22	Lê Lợi	Tim đường Phan Thanh Giản	Tim đường Trưng Nhị	2.500
23	Lê Lợi	Tim đường Trưng Nhị	Tim đường Lý Thường Kiệt	1.700
24	Nguyễn Thị Lượm	Đất ông Lê Văn Bạc (Tên cũ: Đường Giá Rai - Gành Hào)	Cầu Đen	1.100
25	Nguyễn Tri Phương (lộ nhựa Khóm 3)	Đường Giá Rai - Gành Hào	Đường Giá Rai - Gành Hào + 1000m	1.100
26	Nguyễn Tri Phương (lộ nhựa Khóm 3)	Đường Giá Rai - Gành Hào + 1000m	Hết đường (giáp kênh)	700
27	Đường lộ nhựa Khóm 4	Cầu chương trình 135	Hết ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Thắm (Tên cũ: Giáp Phường Hộ Phòng)	550
28	Nguyễn Văn Chức (đường vào khu di tích Nọc Nặng)	Quốc lộ 1	Cổng Nọc Nặng	800
29	Nguyễn Văn Chức (đường vào khu di tích Nọc Nặng)	Cổng Nọc Nặng	Đến hết ranh Khu di tích Nọc Nặng (Tên cũ: Giáp ranh Phong Thạnh A)	850
30	Nguyễn Văn Uông (Đường Tòa án)	Quốc lộ 1	Ngã ba	1.450
31	Nguyễn Văn Uông (Đường Tòa án)	Ngã ba	Hết đường Nguyễn Văn Uông	1.000
32	Đường Giá Rai – Cạnh Đền (đường đi Phó Sinh Khóm 1)	Quốc lộ 1	Cách ranh phía bắc bệnh viện 200m	1.200
33	Đường Giá Rai – Cạnh Đền (đường đi Phó Sinh Khóm 1)	Cách ranh phía bắc bệnh viện 200m	Cổng Phó Sinh	990
34	Đường Giá Rai – Cạnh Đền (đường đi Phó Sinh Khóm 1)	Cổng Phó Sinh	Kênh chủ chí 1 (Tên cũ: Kênh Chủ Chí 1 giáp ranh Phong Thạnh A)	650
35	Quách Thị Kiều (Đường đi Phó Sinh, khóm 2)	Quốc lộ 1	Cổng Phó Sinh	1.200

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(3)	(4)	(5)	(7)
36	Quách Thị Kiều (Đường đi Phó Sinh, khóm 2)	Cổng Phó Sinh	Giáp đường Giá Rai - Phong Tân	800
37	Đường Giá Cần Bầy	Đường Giá Rai - Gành Hào	Hết ranh Phường 1	500
38	Tạ Tài Lợi	Ngã ba đường Tòa án (Tên cũ: Đường Tòa án)	Ngã ba đường trường mẫu giáo Sơn Ca	1.400
39	Dương Văn Diệp (Đường trường mẫu giáo Sơn Ca)	Đầu ranh trường mẫu giáo Sơn Ca	Đường Tạ Tài Lợi	1.000
40	Đường Cầu Trần Văn Sớm	Cầu Trần Văn Sớm	Cầu Kênh Rạch Rắn	1.800
41	Đường Cầu Trần Văn Sớm	Cầu Trần Văn Sớm	Cầu kênh ấp 1 (Tên cũ: Giáp ranh xã Phong Thạnh A)	1.800
42	Đường Chùa Cô Lý	Chùa Cô Lý	Đến Đường Giá Rai – Cạnh Đền (Tên cũ: Hết ranh nhà ông Trần Văn Bông)	1.000
43	Đường Giá Rai - Phong Tân	Quốc lộ 1	Cầu số 1 (Tên cũ: Cầu số 1 xã Phong Tân)	1.700
44	Đường Hộ Phòng - Gành Hào	Đường Trần Văn Sớm	Cầu lộ cũ (Tên cũ: Giáp ranh phường Hộ Phòng)	1.800
45	Đường Hộ Phòng - Gành Hào	Giáp ranh Phường 1 (cũ)	Giáp ấp Đầu Lá xã Long Điền	2.000
46	Đường khu dân cư Nhật Trang (trục chính của dự án)	Đường Trần Hưng Đạo	Cuối đường	2.700
47	Đường khu dân cư Nhật Trang (đường nội bộ)	Toàn tuyến		1.800
48	Hẻm số 5 (nhà Bảy Hoàng)	Quốc lộ 1	Kênh xáng Cà Mau – Bạc Liêu (hết đường)	750
49	Hẻm số 7 (nhà Dũng Composite)	Đường dân sinh đường Nọc Nặng	Nhà ông Dũng (Composite)	750
50	Hẻm số 6 (hẻm Sơn Lệ)	Quốc lộ 1	Hết hẻm (Nhà ông bé Chạy Đáy)	750
51	Hẻm số 3 (bác sĩ Thiết)	Quốc lộ 1	Hết hẻm (Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu)	440